

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Tàu Cuốc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần Tàu Cuốc được chuyển đổi, cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty thi công cơ giới thủy - Đầu tư và xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300565610 ngày 27/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16/9/2011.

Trụ sở chính của Công ty tại số 16/9 Đường Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng), tổng số cổ phần là 2.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 17 kèm theo.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Đặng Kim Ái	Chủ tịch
Ông Cao Thế Trung	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Đại Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Hải	Ủy viên
Ông Thái Hữu Vinh	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Huỳnh Văn Chánh Tâm	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/10/2013
Ông Đỗ Đại Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Thái Hữu Vinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Đình Phú	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 10/3/2014
Ông Nguyễn Văn Duyên	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 10/3/2014
Ông Hoàng Việt Thắng	Kế toán trưởng	

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm

Ông Đỗ Ngọc Châm	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên
Ông Lương Hoàn Toàn	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CUỐC

Đ/c: Số 16/9 - Bùi Văn Ba - Quận 7 - Tp Hồ Chí Minh

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

*Tp Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2014*

**Thay mặt Ban Giám đốc**

**Giám đốc**



**Huỳnh Văn Chánh Tâm**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>142.467.822.468</b>	<b>155.641.774.958</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>29.951.141.388</b>	<b>37.752.210.828</b>
1. Tiền	111		29.951.141.388	37.752.210.828
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>77.184.844.624</b>	<b>87.028.148.904</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		57.127.958.720	80.197.714.782
2. Trả trước cho người bán	132		2.430.884.161	1.257.748.874
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ HXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	<b>V.02</b>	17.626.001.743	5.572.685.248
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>24.963.548.392</b>	<b>23.966.747.296</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.03</b>	24.963.548.392	23.966.747.296
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.368.288.064</b>	<b>6.894.667.930</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.396.872.850	2.147.351.115
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		191.868.302	259.914.605
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>V.04</b>	6.779.546.912	4.487.402.210
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>25.068.583.085</b>	<b>27.525.668.076</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.053.583.085</b>	<b>27.510.668.076</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.05</b>	4.987.555.671	8.811.150.168
- Nguyên giá	222		178.204.538.634	180.394.522.933
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(173.216.982.963)	(171.583.372.765)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>V.06</b>	18.066.027.414	18.699.517.908
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.07</b>	<b>2.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.000.000.000	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.000.000</b>	<b>15.000.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		15.000.000	15.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>167.536.405.553</b>	<b>183.167.443.034</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

( Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2013	01/01/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>140.194.268.773</b>	<b>154.302.497.145</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>140.172.268.773</b>	<b>154.280.497.145</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.08	35.330.000.000	31.370.000.000
2. Phải trả người bán	312		39.230.739.339	43.634.206.497
3. Người mua trả tiền trước	313		29.716.672.941	26.701.867.838
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	3.179.670.908	5.159.798.245
5. Phải trả công nhân viên	315		2.537.729.868	4.634.754.371
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10	29.786.823.432	42.331.269.531
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		390.632.285	448.600.663
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>22.000.000</b>	<b>22.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.11	22.000.000	22.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>27.342.136.780</b>	<b>28.864.945.889</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>27.342.136.780</b>	<b>28.864.945.889</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		594.051.680	594.051.680
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		482.905.703	482.905.703
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.265.179.397	2.787.988.506
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>167.536.405.553</b>	<b>183.167.443.034</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	007		-	-
- USD			287.65	293.64
- EUR			281.20	285.71
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Tp Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hoàng Việt Thắng



Giám đốc

Huỳnh Văn Chánh Tâm

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Theo phương pháp trực tiếp  
Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	126.913.936.184	138.278.789.038
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(126.206.861.977)	(116.813.643.834)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(12.337.837.129)	(15.441.696.151)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.275.652.778)	(3.251.922.777)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.086.003.762)	(2.183.740.054)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	15.783.271.466	17.758.533.262
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.042.175.786)	(1.861.447.903)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(3.251.323.782)</i>	<i>16.484.871.581</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.562.881.127)	(4.108.627.481)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	2.120.000.000	1.561.616.420
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.261.300.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	443.395.469	1.119.335.486
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(999.485.658)</i>	<i>(166.375.575)</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	96.830.000.000	90.370.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(92.870.000.000)	(80.921.277.500)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.510.260.000)	(2.453.080.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(3.550.260.000)</i>	<i>6.995.642.500</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(7.801.069.440)</b>	<b>23.314.138.506</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>37.752.210.828</b>	<b>14.438.072.322</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>29.951.141.388</b>	<b>37.752.210.828</b>

Người lập biểu

*Thư*

Kế toán trưởng

*Hoàng Viết Thắng*

Hoàng Viết Thắng

Tp Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2014



Giám đốc

*Huỳnh Văn Chánh Tâm*

Huỳnh Văn Chánh Tâm

H H I G M O N N A I